

Bản án số: 157/2022/HNGĐ-PT.

Ngày: 23-11-2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Chí Nguyễn.

Các Thẩm phán: Ông Phan Quyết Thắng và bà Bùi Thị Thu Hồng.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Nhung.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*

Bà Hoàng Vĩnh Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 23-11-2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 113/2022/TLPT-HNGĐ ngày 05-10-2022 về: “*Tranh chấp ly hôn*”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 94/2022/HNGĐ-ST ngày 20-5-2022 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 257/2022/QĐXX-PT ngày 27-10-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2022/QĐ-HPT ngày 10-11-2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn không kháng cáo:* Chị T.T.Trang, sinh năm 1982; Địa chỉ nơi ĐKNKTT: Số 9/528 phố N.G.T (nay là số 9/466 N.G.T), tổ 10B phường Đ.G, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Địa chỉ nơi ở hiện nay: Thôn B.N, xã Đ.B, huyện T.S, tỉnh Bắc Ninh.

Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn có kháng cáo:* Anh N.A.Hùng, sinh năm 1972; Địa chỉ nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Số 9/528 phố N.G.T (nay là số 9/466 N.G.T), tổ 10B phường Đ.G, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh N.A.Hùng:* Luật sư L.L.Phú - Công ty luật TNHH L.P, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

Anh N.A.Hùng và luật sư L.L.Phú đều có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung:*

Chị T.T.Trang kết hôn với anh N.A.Hùng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24-3-2005 tại UBND phường Đ.G, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng; đến năm 2017, 2018, thì mâu thuẫn trở nên rất căng thẳng, không thể nói chuyện và tiếp tục chung sống với nhau nữa.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị T.T.Trang trình bày là do anh Hùng chơi bời cờ bạc, thường xuyên đi qua đêm không về nhà; anh Hùng không quan tâm tới vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Chị phải gánh vác trách nhiệm chăm sóc con cái và lo kinh tế gia đình. Trong khi đó, anh Hùng không hề động viên quan tâm mà chỉ hạch sách đòi hỏi. Toàn bộ mọi chi tiêu kinh tế trong gia đình là do chị phải gánh vác. Vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, không có tiếng nói chung, không hiểu và chia sẻ được với nhau về mọi vấn đề trong cuộc sống. Từ đó tình cảm bị rạn nứt. Tình trạng gia đình như vậy khiến cả hai người xa nhau, không còn tình cảm và không còn thấy cần thiết phải chung sống nữa. Nếu cứ tiếp tục sống như vậy cả hai đều mệt mỏi không ai muốn về nhà.

Quá trình chung sống chị Trang đã nhiều lần làm đơn ly hôn nhưng sau đó anh Hùng hứa thay đổi sửa chữa nên chị không gửi đơn đến Tòa án. Năm 2018, chị đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn. Được Tòa án hòa giải nên chị đã rút đơn để vợ chồng quay về đoàn tụ, nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay.

Năm 2019, chị T.T.Trang có sinh cháu T.K.A. Chị Trang xác nhận đây là con riêng của chị không phải con đẻ của anh Hùng. Sau khi sinh cháu, anh Hùng luôn đay nghiến xúc phạm chị. Để tìm cách hàn gắn mâu thuẫn gia đình, bố mẹ chị đã đề nghị cả gia đình chị chuyển về Bắc Ninh sinh sống để tránh sự dị nghị của hàng xóm, địa phương, nhưng anh Hùng vẫn tiếp tục đi rêu rao xúc phạm chị với họ hàng, bạn bè làm ảnh hưởng đến cuộc sống của chị và các con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đã làm đơn ly hôn với anh Hùng.

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu N.M.Hoàng, sinh ngày 16-10-2005 và cháu N.M.Sơn, sinh ngày 28-9-2008. Khi ly hôn chị xin nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh Hùng đóng góp phí tổn cấp dưỡng nuôi con hàng tháng; nếu anh Hùng muốn nuôi một cháu thì chị cũng đồng ý.

Vợ chồng ly hôn, nếu Tòa án giao mỗi người được nuôi một cháu thì chị sẽ xin được nuôi cháu N.M.Hoàng và để anh Hùng nuôi cháu N.M.Sơn. Chị Trang xác định cháu T.K.A là con riêng của chị, không phải con của anh Hùng và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị Trang xác định vợ chồng không có tài sản chung; không có nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**\* Bị đơn là anh N.A.Hùng có quan điểm:**

Về quá trình vợ chồng kết hôn và chung sống, thì anh Hùng xác nhận và nhất trí với nội dung trình bày của chị T.T.Trang.

Anh N.A.Hùng xác nhận: Vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được khoảng 13 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng về lối sống, tính cách và sự ứng xử trong cuộc sống. Chị Trang đã nhiều lần đưa đơn ly hôn để yêu cầu anh ký nhưng anh không đồng ý.

Đến năm 2018, chị Trang làm đơn ly hôn đơn phương gửi đến Tòa án. Sau khi Tòa án hòa giải, chị Trang đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Anh Hùng đã chủ động hàn gắn nhưng chị Trang không hợp tác. Vợ chồng vẫn giữ khoảng cách với nhau; vợ chồng ở chung nhà nhưng không ngủ chung, ăn chung, việc ai người đó làm. Năm 2019, chị Trang có con riêng là cháu T.K.A. Từ đó, mặc dù anh đã cố gắng tha thứ để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng chị Trang không mở lòng, không có thiện chí để đoàn tụ. Nay chị Trang xin ly hôn, anh Hùng có quan điểm: Chỉ đồng ý ly hôn khi hai bên thỏa thuận xong về vấn đề tài sản và con chung.

*Về con chung:* Anh Hùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu N.M.Hoàng, sinh ngày 16-10-2005 và cháu N.M.Sơn, sinh ngày 28-9-2008. Nếu phải ly hôn anh xin nuôi cháu Sơn và để chị Trang nuôi cháu Hoàng, anh không yêu cầu chị Trang đóng góp phí tổn nuôi con chung. Ngoài ra, anh Hùng đề nghị xác định cháu T.K.A, sinh ngày 08-7-2019 không phải là con đẻ của anh.

*Về tài sản chung:* Năm 2009, vợ chồng anh chị có mua 01 mảnh đất diện tích 50m<sup>2</sup> với giá khoảng 19.000.000 đồng/m<sup>2</sup> tại địa chỉ số 15/65 Phố N.G.T, phường Đ.G, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Tiền mua đất một phần là do vợ chồng tích góp, một phần là do bố mẹ để chị Trang cho vay, một phần là bố để anh cho. Cụ thể số tiền vay bố mẹ để chị Trang bao nhiêu anh không nhớ; anh khẳng định số tiền này vợ anh đã trả nợ xong cho bố mẹ vợ anh, thời điểm trả anh không biết. Tiền của vợ chồng tích góp được bao nhiêu anh không biết vì đi làm về anh đưa tiền cho chị Trang giữ và quản lý.

Năm 2010, vợ chồng anh có xây nhà trên thửa đất mua. Tiền xây nhà do bố, mẹ vợ và vợ chồng anh góp tiền xây. Chi phí xây dựng hết bao nhiêu tiền anh không biết; tiền vợ chồng anh có bao nhiêu là do chị Trang góp, anh không nắm được.

Đến năm 2019, bố mẹ vợ anh bảo bán nhà để chuyển về Bắc Ninh và hứa sau khi bán nhà sẽ mua đất ở Bắc Ninh và để đứng tên hai vợ chồng anh. Nhà đất ở Đ.G đã bán, đến nay anh không có giấy tờ gì liên quan đến việc mua bán, xây dựng nhà đất này. Sau khi bán nhà, bố mẹ vợ anh mua đất và xây nhà tại Bắc Ninh nhưng nhà đất này đứng tên ai thì anh cũng không biết. Anh Hùng cũng không xác định được công sức của anh là bao nhiêu. Anh xin được để hai bên tự thỏa thuận với nhau về tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 94/2022/HNGĐ-ST ngày 18 và 20-5-2022 của Tòa án nhân dân quận Long Biên đã quyết định:***

**1. Về hôn nhân:**

Cho ly hôn giữa chị T.T.Trang và anh N.A.Hùng.

**2. Về nuôi con chung:**

2.1. Giao cháu N.M.Hoàng sinh ngày 16-10-2005 cho chị T.T.Trang; giao cháu N.M.Son, sinh ngày 28-9-2008 cho anh N.A.Hùng trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Không bên nào yêu cầu đóng góp phí tổn nuôi con.

2.3. Xác nhận cháu T.K.A (sinh ngày 08-7-2019) không phải là con đẻ của anh N.A.Hùng. Giao cháu An cho chị T.T.Trang trực tiếp nuôi dưỡng.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm. Ngày 24-5-2022, bị đơn là anh N.A.Hùng đã làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Anh N.A.Hùng cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình có quan điểm: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, theo đó đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn là do chị Trang vi phạm luật Hôn nhân và gia đình, ngoại tình và có con riêng với người khác trong khi chưa ly hôn. Yêu cầu chị Trang đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu N.M.Son với anh mức 5.000.000đ/tháng (*Năm triệu đồng/tháng*) và đề nghị xem xét giải quyết về vấn đề tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Chị T.T.Trang có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu kháng cáo của anh N.A.Hùng theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

*Về tố tụng:* Anh N.A.Hùng làm đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn nên kháng cáo của anh Hùng là hợp lệ.

Thẩm phán và HĐXX phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên tòa.

*Về nội dung:* Việc chị Trang có con riêng với người khác trong thời kỳ hôn nhân đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và quyết định tại bản án sơ thẩm;

Vợ chồng có 02 con chung vị thành niên là cháu N.M.Hoàng sinh ngày 16-10-2005 và cháu N.M.Son, sinh ngày 28-9-2008. Khi ly hôn, Tòa án sơ thẩm xét xử giao mỗi người nuôi 01 con chung và không buộc các bên đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp quy định của pháp luật;

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, chị T.T.Trang không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản. Anh N.A.Hùng có đề cập yêu cầu Tòa án xem xét về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền và lợi ích hợp pháp của mình đối với tài sản; Hơn nữa, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Thông báo giải thích về quyền phản tố của bị đơn; yêu cầu anh Hùng làm đơn phản tố và nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố (nếu có) cùng các tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Do anh Hùng không thực hiện nên Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết về việc phân chia tài sản chung vợ chồng trong vụ án là có căn cứ.

Kháng cáo của anh N.A.Hùng là không có căn cứ được chấp nhận.

Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Bác kháng cáo của anh N.A.Hùng. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 94/2022/HNGĐ-ST ngày 20-5-2022 của Tòa án nhân dân quận Long Biên và buộc anh N.A.Hùng phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở ý kiến của các đương sự và đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[I]. Về Tố tụng:**

Anh N.A.Hùng làm đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn, nên kháng cáo của anh N.A.Hùng là hợp lệ.

Bị đơn là anh N.A.Hùng có địa chỉ nơi ĐKNKTT và chỗ ở tại phường Đ.G, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý, giải quyết vụ án là đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn không kháng cáo là chị T.T.Trang có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án khi vắng mặt chị T.T.Trang.

#### **[II]. Xét nội dung kháng cáo:**

[1]. Về tình cảm: Anh N.A.Hùng và chị T.T.Trang kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24-3-2005 tại Ủy ban nhân dân phường Đ.G, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Các đương sự đều xác nhận: Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Năm 2018, chị T.T.Trang đã làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án, sau khi được Tòa án Hòa giải, chị Trang đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Vợ chồng

đã sống ly thân từ năm 2018; anh chị chung sống trong cùng một nhà nhưng không còn quan tâm gì đến nhau. Chị Trang về nhà bố mẹ để sống từ tháng 5-2019 đến nay. Hơn nữa, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, thì chị T.T.Trang đã có quan hệ với người khác và sinh cháu T.K.A ngày 08-7-2019; các đương sự đều xác nhận cháu An không phải là con chung của vợ chồng.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N.A.Hùng và chị T.T.Trang đã trầm trọng kéo dài; quan hệ hôn nhân thực tế đã không còn tồn tại; mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, thì Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đã chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.T.Trang và giải quyết cho chị T.T.Trang được ly hôn anh N.A.Hùng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Anh N.A.Hùng nhất trí việc Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn và chỉ kháng cáo về việc xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn là do chị Trang ngoại tình đã có con riêng trong khi chưa ly hôn với anh là vi phạm pháp luật hôn nhân và gia đình là có căn cứ. Nội dung này đã được Tòa án cấp sơ thẩm nhận định trong bản án và được ghi nhận tại phần quyết định của bản án bằng việc xác nhận cháu T.K.A, sinh ngày 08-7-2019 không phải con đẻ của anh N.A.Hùng.

[2]. Về con chung: Các đương sự đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu N.M.Hoàng, sinh ngày 16-10-2005 và cháu N.M.Son, sinh ngày 28-9-2008. Ngoài ra, trong thời kỳ hôn nhân chị T.T.Trang có sinh con riêng là cháu T.K.A, sinh ngày 08-7-2019.

[2.1]. Căn cứ Kết luận giám định ADN số HT421.21/PY-XNSH ngày 18-11-2021 của Viện Pháp y quân đội kết luận: “*Anh N.A.Hùng và cháu T.K.A không có quan hệ huyết thống*” và sự thừa nhận của chị T.T.Trang về việc cháu T.K.A, sinh ngày 08-7-2019 không phải là con chung của chị Trang với anh N.A.Hùng, thì việc Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của anh Hùng đã xác định anh N.A.Hùng không phải là cha đẻ của cháu T.K.A và giải quyết giao cháu T.K.A cho chị T.T.Trang nuôi giữ, chăm sóc là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2]. Toà án cấp sơ thẩm xác định vợ chồng chị Trang, anh Hùng có 02 con chung là cháu N.M.Hoàng sinh ngày 16-10-2005 và cháu N.M.Son, sinh ngày 28-9-2008. Căn cứ quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, thì việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định: Giao cháu N.M.Hoàng cho chị T.T.Trang; giao cháu N.M.Son cho anh N.A.Hùng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và không buộc anh Hùng, chị Trang phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp quy định của pháp luật và điều kiện thực tế cũng như nguyện vọng của các cháu.

Anh N.A.Hùng nhất trí với việc Tòa án giao mỗi người nuôi 01 con chung. Tuy nhiên, anh Hùng kháng cáo yêu cầu chị Trang phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với anh mức 5.000.000đ/tháng với lý do chị Trang là người quản lý, chiếm giữ toàn bộ tài sản chung của vợ chồng.

Xét thấy: Việc anh N.A.Hùng kháng cáo yêu cầu chị Trang đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh với lý do chị Trang là người chiếm giữ toàn bộ tài sản chung của vợ chồng là không có cơ sở và không phù hợp với quy định của pháp luật, bởi lẽ: Việc Tòa án giao mỗi người nuôi 01 con chung là ghi nhận sự thỏa thuận của các bên và nguyện vọng của các con chung; chị Trang cũng không phải là người làm việc có thu nhập cao, hơn nữa ngoài việc được giao nuôi dưỡng, chăm sóc 01 con chung thì chị Trang còn phải nuôi dưỡng 01 con riêng khác.

Do đó, kháng cáo của anh N.A.Hùng về việc yêu cầu chị Trang đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với anh là không có căn cứ được chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, thì chị T.T.Trang không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về phân chia tài sản chung. Tại các Biên bản hòa giải lập tại Tòa án, thì các bên đương sự đều không đề cập yêu cầu Tòa án giải quyết về việc phân chia tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản.

Ngày 19-7-2021, Toà án cấp sơ thẩm đã lập Biên bản giải thích hậu quả pháp lý cho đương sự, theo đó đã giải thích về quyền yêu cầu phản tố của anh Hùng; hướng dẫn anh Hùng làm đơn yêu cầu phản tố để toà án xem xét, thông báo nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí để Toà án giải quyết yêu cầu phản tố của đương sự (nếu có). Tuy nhiên, tại Biên bản đối chất và Biên bản làm việc lập ngày 29-3-2022; biên bản lấy lời khai ngày 25-4-2022, thì anh Hùng vẫn xác định chưa nộp đơn phản tố để yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Xét thấy: Toà án cấp sơ thẩm đã giải thích đầy đủ về quyền yêu cầu phản tố; nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu và tiền tạm ứng án phí của anh Hùng nhưng anh Hùng không có đơn đề nghị Toà án giải quyết về tài sản chung và cũng không xuất trình cho Tòa án được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến tài sản chung để chứng minh quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, việc Toà án cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng anh Hùng, chị Trang trong vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

Kháng cáo của anh N.A.Hùng về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết phân chia tài sản chung giữa anh với chị Trang là không có căn cứ được chấp nhận do yêu cầu của anh Hùng vượt quá phạm vi giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bản án sơ thẩm đã nhận định về việc Tòa án cấp sơ thẩm tách yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng để giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự

có yêu cầu, nhưng tại phần quyết định lại không tuyên rõ về việc giành quyền khởi kiện đối với tranh chấp tài sản cho các đương sự để được xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu. Do đó, cần sửa lại về cách tuyên của bản án sơ thẩm cho phù hợp.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh N.A.Hùng phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

***Vì các lẽ trên;***

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 308 và Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh N.A.Hùng.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 94/2022/HNGĐ-ST ngày 20-5-2022 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội về cách tuyên. Cụ thể:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.T.Trang.

Chị T.T.Trang được ly hôn anh N.A.Hùng.

- Về con chung: Xác định chị T.T.Trang và anh N.A.Hùng có 02 con chung là cháu N.M.Hoàng, sinh ngày 16-10-2005 và cháu N.M.Sơn, sinh ngày 28-9-2008.

Giao cháu N.M.Hoàng cho chị T.T.Trang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu N.M.Sơn cho anh N.A.Hùng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N.A.Hùng và chị T.T.Trang không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

- Về con riêng: Xác định cháu T.K.A, sinh ngày 08-7-2019 không phải là con đẻ của anh N.A.Hùng và là con riêng của chị T.T.Trang.

Giao cháu T.K.A cho chị Trang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Giành quyền khởi kiện cho các đương sự về việc phân chia tài sản chung vợ chồng để được xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

- Về án phí sơ thẩm: Chị T.T.Trang phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0064526 ngày 06-4-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên. Ghi nhận chị T.T.Trang đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh N.A.Hùng phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0065108 ngày 24-5-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên. Ghi nhận anh N.A.Hùng đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND Thành phố Hà Nội;
- CCTHADS quận Long Biên, TP. Hà Nội;
- TAND quận Long Biên, TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Chí Nguyên**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ                      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**